

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 458/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khanh

2. Ông Phạm Minh Khiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quế Linh, cán bộ Tòa án nhân dân khu vực X - Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T; sinh ngày: 24/01/1995; số CCCD: 09119500xxxx;

Địa chỉ thường trú: 183/7 L, phường A, Thành phố R, tỉnh K (nay là phường R, tỉnh A);

Địa chỉ tạm trú: 381/23/6/21 L, khu phố Z, phường B, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H).

Bà T có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hình Hoàng B; sinh ngày: 05/02/1990; số CMND: 024714xxx

Địa chỉ thường trú: 2/1 L, phường B, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H).

Ông B vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2025 của bà Trần Thị Kim T, và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Hình Hoàng B tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 189/2019 ngày 30/9/2019 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố H (nay là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố H).

Trong thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2024 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong quan điểm nuôi dạy con. Trong quá trình chung sống, ông B có nhiều lần say xỉn, về quậy phá nhà cửa làm ảnh hưởng tâm lý của con. Ông B không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Bà T cũng đã cho thời gian để ông B sửa đổi và nhiều lần hoà giải nhưng ông B không thay đổi tính tình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và không thể hàn gắn được.

Những vấn đề nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hình Hoàng B;

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Trần Ánh N; sinh ngày: 18/11/2019. Bà Trần Thị Kim T yêu cầu nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hình Hoàng B vắng mặt không có lý do chính đáng và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn ông Nguyễn Hình Hoàng B vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố H phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực X - Thành phố H đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; về con chung: giao cho bà T nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét qua đơn khởi kiện của bà Trần Thị Kim T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Hình Hoàng B có nơi cư trú tại 2/1 L, phường B, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H). Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X - Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, Đối thoại tại tòa án, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[3] Về nội dung: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 189/2019 ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố H (nay là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố H) cùng lời khai của nguyên đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông B là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét qua yêu cầu xin ly hôn bà Trần Thị Kim T đối với ông Nguyễn Hình Hoàng B. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T, ông B đã phát sinh mâu thuẫn trong từ năm 2024 và hai bên đã sống ly thân với nhau không ai quan tâm, chăm sóc ai, mỗi người có cuộc sống sinh hoạt riêng, tài chính riêng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của bà T do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; Ông B thường xuyên say xỉn, kiểm chuyện cãi nhau trước mặt con làm ảnh hưởng đến tâm lý của con. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau*” nhưng gia đình bà T, Ông B không thực hiện được điều này. Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông B không đến Tòa, không thể hiện thiện chí hàn gắn với bà T. Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng và vun đắp bằng tình yêu thương từ hai phía, tình yêu là nghĩa vụ cũng là nền tảng vững chắc nhất để xây dựng hôn nhân hạnh phúc và bền vững. Hôn nhân tồn tại trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau

xây dựng và chăm lo hạnh phúc gia đình nhưng nay tình trạng mâu thuẫn của bà T, ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[5] Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Trần Ánh N; sinh ngày: 18/11/2019. Bà Trần Thị Kim T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, bà T hiện đang nuôi dưỡng trẻ N, trẻ N là con gái rất cần sự chăm sóc, gần gũi, quan tâm của người mẹ. Theo lời trình bày của bà T thì bà có công việc, thu nhập ổn định và có thời gian linh động để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác, Ông B vắng mặt trong phiên hòa giải và xét xử nên Tòa không ghi nhận được ý kiến của ông về vấn đề con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như sự phát triển của con nên việc giao con chung Nguyễn Trần Ánh N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng khi bà T và ông B ly hôn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Kim T không yêu cầu ông Nguyễn Hình Hoàng B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố H thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị Kim T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 200, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;
- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim T đối với ông Nguyễn Hình Hoàng B.

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Hình Hoàng B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 189/2019 ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố H (nay là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố H) cấp cho bà Trần Thị Kim T và ông Nguyễn Hình Hoàng B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Trần Ánh N; sinh ngày: 18/11/2019.

Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà Trần Thị Kim T.

Giao cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Nguyễn Trần Ánh N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Kim T không yêu cầu ông Nguyễn Hình Hoàng B cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kim T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được cản trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Kim T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0077257 ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận

B (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực X), Thành phố H. Bà Trần Thị Kim T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND K VX, TP. H;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh